

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/DS - PT

Ngày 04-3-2021

V/v “Yêu cầu tuyên bố

văn bản công chứng vô hiệu”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Phương Thanh

Bà Lê Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Bà Lữ Thị Phương Quý – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc “Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2021/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T - sinh năm: 1955, có mặt

Địa chỉ: Khu phố 7, phường S, Thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T:

Anh Lê Khắc H- sinh năm: 1986, có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

(Theo văn bản ủy quyền lập ngày 06/5/2020).

2. Bị đơn: Văn Phòng Công chứng N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L-Trưởng văn phòng, vắng mặt

Địa chỉ: Thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị B - sinh năm: 1958, vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B:

Anh Đỗ Văn H – SN: 1988, vắng mặt

Địa chỉ: Xã N, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

(Theo Giấy ủy quyền lập ngày 27/01/2021).

3.2. Chị Nguyễn Thị Huyền T - sinh năm: 1997, có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Quảng Thịnh, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3.3. Bà Nguyễn Thị M- sinh năm: 1959, có mặt

Địa chỉ: Phố Y, phường Quảng Thành, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3.4. Bà Nguyễn Thị N- sinh năm: 1962, có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Quảng Thịnh, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3.5. Bà Nguyễn Thị L - sinh năm: 1966, có mặt

Địa chỉ: Phố Y, phường Quảng Thành, TP.Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3.6. Anh Nguyễn Bá Đ - sinh năm: 1993, có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, bà Ninh, bà Liên, anh Đức:

Bà Nguyễn Thị T - sinh năm: 1955, có mặt

Địa chỉ: Khu phố 7, phường S, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3.7. Anh Hoàng Canh T - sinh năm: 1980, vắng mặt

Địa chỉ: Tiểu khu Xuân Hòa, Thị trấn Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

3.8. Chị Hoàng Thị H- sinh năm: 1978, vắng mặt

Địa chỉ: Thôn B, xã Vạn Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2020, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bố mẹ bà là Nguyễn Khắc M (chết năm 2014) và Nguyễn Thị X (chết năm 2013) sinh được 06 người con là Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T (đã chết). Bà Nguyễn Thị T sinh được 02 người con là Nguyễn Bá Đ và Nguyễn Thị Huyền T.

Khi còn sống bố mẹ bà có diện tích đất ở và đất vườn là 910m² (trong đó đất ở là 200m², đất vườn 710m²) tại thửa 577, tờ bản đồ số 2 được UBND huyện Quảng Xương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0893851 ngày 30/7/1994 mang tên ông Nguyễn Khắc M. Trên đất có 02 ngôi nhà gồm nhà bằng và nhà cấp 4.

Khi lớn lên chị em bà xây dựng gia đình và ra ở riêng. Riêng có bà Nguyễn Thị B điều kiện bên chồng khó khăn và được sự đồng ý của gia đình nên bà B được ở lại cùng bố mẹ trên mảnh đất đó và làm nhà ở riêng. Ngôi nhà mà ông

Nguyễn Khắc M và bà Nguyễn Thị X ở sẽ làm nhà chung cho tất cả chị em đi lại chăm sóc bố mẹ và thờ cúng sau này.

Năm 2006, gia đình bà đã xảy ra tranh chấp đất đai giữa bố mẹ bà là ông M, bà X và vợ chồng bà B vì bố mẹ bà chỉ thống nhất cho bà B có 120m² đất. Giữa hai bên xảy ra tranh chấp và được UBND xã Quảng Thịnh hòa giải vào ngày 14/8/2006 nhưng không thành. Bản thân chị em bà cũng làm đơn gửi lên UBND xã và được UBND xã trả lời vào ngày 17/9/2013.

Năm 2013, mẹ bà là Nguyễn Thị X ốm nặng nằm liệt giường, ông M thì tuổi cao sức yếu. Bà Nguyễn Thị B đã đưa bố bà là Nguyễn Khắc M lên Văn phòng công chứng N để công chứng việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa bố mẹ bà là Nguyễn Khắc M và Nguyễn Thị X sang vợ chồng bà Nguyễn Thị B. Ngày 24/6/2013, Văn phòng công chứng N đã công chứng Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất số 1271, Quyền số 01/TP/CC- SCC/HĐGD giữa bố mẹ bà là ông Nguyễn Khắc M, bà Nguyễn Thị X và vợ chồng bà Nguyễn Thị B. Theo bà T thì bà Nguyễn Thị B đã lợi dụng lúc mẹ bà là Nguyễn Thị X ốm liệt giường đưa công chứng về nhà lặn tay vào hợp đồng. Ông Xu thì tin tưởng con cái nên đã ký vào Hợp đồng công chứng tặng cho toàn bộ Quyền sử dụng đất của vợ chồng cho vợ chồng bà Nguyễn Thị B. Khi bà Nguyễn Thị B đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông M mới biết mình bị vợ chồng con gái là Nguyễn Thị B lừa dối. Ngày 01/10/2013 (sau hơn 04 tháng ký Hợp đồng công chứng ông M đã làm đơn lên UBND xã Quảng Thịnh để được xem xét hủy Hợp đồng công chứng). Mẹ bà là Nguyễn Thị X sau hơn 10 ngày điểm chỉ vào Hợp đồng công chứng thì cũng đã qua đời.

Theo bà T hợp đồng công chứng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bố mẹ bà là ông Nguyễn Khắc M, bà Nguyễn Thị X với vợ chồng bà Nguyễn Thị B của Văn phòng công chứng N không đúng quy định của pháp luật vì:

Thứ nhất, khi công chứng mẹ bà là Nguyễn Thị X đang ốm liệt giường nên không thể đến Văn phòng công chứng N được, người của Văn phòng công chứng về tại nhà để lặn tay của mẹ bà vào hợp đồng. Lời của công chứng viên thì nói việc thực hiện công chứng là tại Văn phòng công chứng.

Thứ hai, mẹ bà là bà Nguyễn Thị X không biết chữ nên không viết được, không đọc được thì khi công chứng bắt buộc phải có người làm chứng. Việc công chứng không có người làm chứng là vi phạm khoản 1, Điều 9 Luật công chứng 2006 “Trong trường hợp pháp luật quy định việc công chứng phải có người làm chứng hoặc trong trường hợp pháp luật không quy định việc công chứng phải có người làm chứng nhưng người yêu cầu công chứng không đọc được hoặc không nghe được hoặc không ký và không điểm chỉ được thì phải có người làm chứng”.

Thứ ba, hợp đồng công chứng chỉ tặng cho QSD đất, còn tài sản trên đất của ông M, bà X không xem xét là không đúng quy định của pháp luật.

Nay bà T đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 1271, quyền số 01TP/CC-SCC ngày 24/6/2013 lập tại Văn phòng công chứng N, tỉnh Thanh Hóa vô hiệu, do bị lừa dối. Hậu quả chưa xảy ra nên không có yêu cầu giải quyết gì khác.

Bị đơn Văn phòng công chứng N trình bày:

Văn phòng công chứng N có chứng nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 1271, quyền số 01TP/CC-SCC ngày 24/6/2013 giữa vợ chồng ông Nguyễn Khắc M, bà Nguyễn Thị X tặng cho ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị B. Việc thực hiện quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

Ngày 24/6/2013 ông Nguyễn Khắc M, ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị B có đến Văn phòng công chứng N, tỉnh Thanh Hóa yêu cầu lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với nội dung vợ chồng ông Nguyễn Khắc M tặng cho con gái Nguyễn Thị B và con rể Nguyễn Văn H1 quyền sử dụng thửa đất tại xã Quảng Thịnh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Bà Nguyễn Thị X vắng mặt với lý do bà X sức khỏe yếu, không đi đến Văn phòng công chứng được. Ông M, ông H1 và bà B yêu cầu Văn phòng công chứng N về nhà lấy chữ ký và xác nhận quan điểm của bà X và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Bà X đồng ý với việc tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên.

Qua kiểm tra các thủ tục để tiến hành công chứng, văn phòng công chứng còn yêu cầu bà X chụp ảnh xin xác nhận về việc bà X bị thất lạc chứng minh nhân dân. Tại thời điểm công chứng bà X minh mẫn, tỉnh táo. Đồng thời tại thời điểm đó, sổ hộ khẩu của gia đình ông M đang thực hiện cấp đổi nên ông M đã tiến hành xin xác nhận của UBND xã Quảng Thịnh về việc ông Nguyễn Khắc M và bà Nguyễn Thị X là vợ chồng. Công chứng viên của Văn phòng công chứng đã đọc toàn bộ nội dung Hợp đồng tặng quyền sử dụng đất cho bà X nghe, bà X đồng ý toàn bộ nội dung hợp đồng và đồng ý thực hiện điểm chỉ vào hợp đồng. Người thực hiện việc lấy dấu vân tay bà X vào Hợp đồng tặng cho là ông Viên Ngọc Thanh (Nhân viên văn phòng công chứng) dưới sự giám sát của ông Lê Ngọc Lân.

Nay bà T (là con của ông M, bà X) có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 1271, quyền số 01TP/CC - SCC ngày 24/6/2013 lập tại Văn phòng công chứng N, tỉnh Thanh Hóa vô hiệu, không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả về giao dịch dân sự vô hiệu và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất.

Quan điểm của Văn phòng công chứng N là Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã chứng nhận đúng với ý chí của các bên, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Tại thời điểm công chứng mặc dù ông M, bà X đã trên

90 tuổi nhưng vẫn còn minh mẫn, tinh táo, nhận thức rõ về việc làm của mình. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L trình bày:

Về năm ông M, bà X chết, số con và họ tên con của ông bà và tài sản do ông M, bà X tạo lập được như bà T trình bày trên là đúng.

Năm 2013, bà X đã già yếu, không đi lại được, không còn minh mẫn, chỉ nằm một chỗ, ông M cũng đã già yếu, nên việc ông M, bà X lập hợp đồng tặng cho bà B và ông H1 toàn bộ quyền sử dụng đất là không khách quan. Hợp đồng công chứng là do ông H1 (chồng bà B) tự ý mời Văn phòng công chứng về nhà lập, bà X không biết chữ, không biết đọc mà điếm chỉ lại không có người làm chứng. Ngoài ra trên đất của ông M và bà X còn có nhà nhưng trong Hợp đồng tặng cho không thể hiện là không đúng.

Quan điểm của bà M, bà N và bà L về việc giải quyết vụ án đồng quan điểm với bà T.

Chị Nguyễn Thị Huyền T, anh Nguyễn Bá Đ trình bày: Chị T và anh Đ có mẹ là Nguyễn Thị T (đã chết năm 2012). Bà T là con của ông Nguyễn Khắc M và bà Nguyễn Thị X: Ông M và bà X có làm Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà Nguyễn Thị B, ông Hoàng Văn Hồng. Khi tặng cho bà X không còn minh mẫn, ốm liệt giường; bà B và ông H1 có đưa người về điếm chỉ, lấn tay của bà X nhưng không có người làm chứng và chứng kiến là không đúng. Ngoài ra, trên đất của ông M và bà X còn có nhà do ông bà làm, nhưng khi làm hợp đồng tặng cho vợ chồng bà B thì chỉ tặng cho mình đất, không có nhà là không đúng. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 1271, quyển số 01TP/CC-SCC ngày 24/6/2013 lập tại Văn phòng công chứng N, tỉnh Thanh Hóa vô hiệu.

Bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà là con gái của ông Nguyễn Khắc M và bà Nguyễn Thị X. Bố mẹ bà sinh được 06 người con là Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T (đã chết). Bà Nguyễn Thị T sinh được 02 người con là Nguyễn Bá Đ và Nguyễn Thị Huyền T. Các chị và em của bà ra ở riêng, sau khi lập gia đình thì vợ chồng bà ở chung với bố mẹ. Năm 1977 đến năm 1978 ông M, bà X có làm nhà và vợ chồng bà thường xuyên cung cấp lương thực, tiền bạc cho ông M, bà X. Năm 1983 ông M bà X có hợp gia đình và giao lại cho vợ chồng bà ở và nuôi dưỡng bố mẹ thì các chị và các em cũng đồng ý ký vào giấy thừa kế cho vợ chồng bà. Năm 2006 ông M, bà X nói là có cho vợ chồng bà B đất nhưng bà không nhớ rõ diện tích là bao nhiêu. Ngày 24/6/2013 ông M và bà X có lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 1271, quyển số 01TP/CC-SCC ngày 24/6/2013 lập tại Văn phòng công chứng N, tỉnh

Thanh Hóa cho vợ chồng bà toàn bộ diện tích đất của ông M, bà X. Ngày 07/7/2013 bà Nguyễn Thị X chết, đến ngày 17/3/2014 thì ông Nguyễn Khắc M chết. Nay bà Nguyễn Thị T làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 1271, quyền số 01TP/CC-SCC ngày 24/6/2013 lập tại Văn phòng công chứng N, tỉnh Thanh Hóa cho vợ chồng bà vô hiệu thì quan điểm của bà như sau: Trước khi bà Nguyễn Thị X chết, bà nằm liệt giường, không đi lại được nhưng vẫn ngồi dậy và nói chuyện được. Trước khi ông M chết thì ông M cũng bị ốm. Tuy nhiên khi ông M và bà X đang còn sống gia đình đã họp và có chữ ký của các chị và các em đồng thừa kế lại đất của bố mẹ cho vợ chồng bà, nên bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Canh T trình bày: Anh, chị là con của ông Hoàng Văn H1 và bà Nguyễn Thị B. Bố mẹ anh chị được ông bà ngoại là ông Nguyễn Khắc M và bà Nguyễn Thị X tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa số 557, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính xã Quảng Thịnh, TP Thanh Hóa với diện tích là 910m² theo Hợp đồng tặng cho lập ngày 24/6/2013 tại Văn phòng Công chứng N, tỉnh Thanh Hóa. Nay bà T khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng công chứng vô hiệu thì chị H và anh T không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS- ST ngày 25/11/2020 Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 127; khoản 4 Điều 723 BLDS 2005; Điều 459 BLDS 2015; khoản 1, Điều 9; Điều 45 Luật công chứng 2006; khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Khắc M, bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị B, ông Hoàng Văn H1 số công chứng 1271, quyền số 01TP/CC-SCC ngày 24/6/2013 do Văn phòng công chứng N, tỉnh Thanh Hóa chứng nhận là giao dịch dân sự vô hiệu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 07, 08/12/2020, bị đơn là Văn phòng công chứng N, tỉnh Thanh Hóa kháng cáo, với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử lại để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B kháng cáo, với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn

Khắc M, bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị B, ông Hoàng Văn H1 số công chứng 1271, quyển số 01TP/CC-SCC ngày 24/6/2013 do văn phòng công chứng N, tỉnh Thanh Hóa chứng nhận có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn kháng cáo có đơn xin xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B kháng cáo vắng mặt.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 296; Khoản 1 Điều 308 BLTTDS. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B. Không chấp nhận kháng cáo của Văn phòng công chứng N, tỉnh Thanh Hóa, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là Văn phòng công chứng N, tỉnh Thanh Hóa và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B, anh Hoàng canh T, chị Hoàng Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa, nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Lê Ngọc L có đơn xin xử vắng mặt; bà B, anh T, chị H vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS xử vắng mặt ông L, bà B, anh T, chị H và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của Văn phòng công chứng N, tỉnh Thanh Hóa:

Xét văn bản công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 1271, quyển số 01/TP/CC-SCC ngày 24/6/2013 do Văn phòng công chứng N, tỉnh Thanh Hóa chứng thực thấy: Thời điểm bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Khắc M lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà Nguyễn Thị B và ông Hoàng Văn H1 thì bà X không biết chữ nên không viết được, không đọc được. Do vậy khi công chứng bắt buộc phải có người làm chứng. Tuy nhiên, hợp đồng công chứng do Văn phòng công chứng N lập lại không có người làm chứng, chỉ có bà X điểm chỉ là vi phạm khoản 1, Điều 9 Luật công chứng 2006. Ngoài ra, trên đất của ông M, bà X khi chuyển nhượng còn có nhà trên đất nhưng trong Hợp đồng tặng cho không thể hiện là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 723 BLDS 2005. Mặt khác, Ngày 01/10/2013, sau hơn 03 tháng ký Hợp đồng công chứng ông M đã làm đơn khiếu nại lên UBND xã Quảng Thịnh với nội dung: “... được rút, hủy toàn bộ giấy tờ có liên quan đến việc cho tặng quyền sử dụng đất cho chị

Bình...” (BL 10). Điều này thể hiện hợp đồng công chứng trên vô hiệu vì chủ sử dụng đất đã không cho tặng quyền sử dụng đất đối với vợ chồng bà B.

Từ những phân tích trên cấp sơ thẩm chấp nhận đơn của nguyên đơn là có cơ sở nên không chấp nhận kháng cáo của Văn phòng công chứng N, tỉnh Thanh Hóa, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí DSPT: Kháng cáo của Văn phòng công chứng N, tỉnh Thanh Hóa không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm tuy nhiên bà B là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm đ khoản 1 Điều 12 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148; khoản 3 Điều 296 của BLTTDS.

* Căn cứ vào Điều 127; khoản 4 Điều 723 BLDS 2005. Điều 459 BLDS 2015. Khoản 1, Điều 9; Điều 45 Luật công chứng 2006. Khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; của Bộ luật tố tụng Dân sự. Khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B.

2. Không chấp nhận kháng cáo của Văn phòng công chứng N, tỉnh Thanh Hóa, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Khắc M, bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị B, ông Hoàng Văn H1 số công chứng 1271, quyển số 01TP/CC-SCC ngày 24/6/2013 do Văn phòng công chứng N, tỉnh Thanh Hóa chứng nhận là giao dịch dân sự vô hiệu.

3. Về án phí DSPT: Văn phòng công chứng N, tỉnh Thanh Hóa phải chịu 300.000đ; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 2291 ngày 14/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Quảng Xương;
- Chi cục THADS huyện Quảng Xương;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Thủy